

Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSDT

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT

E-HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Có bảo đảm dự thầu không vi phạm một trong các trường hợp quy định tại Mục 17.2 E-CDNT. Thư bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam ký tên với giá trị và thời hạn hiệu lực, tên của Bên mời thầu (đơn vị thụ hưởng) theo quy định tại Mục 17.1 E-CDNT;
2. Không có tên trong hai hoặc nhiều E-HSDT với tư cách là nhà thầu chính (nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh) đối với cùng một gói thầu.

3. Có thỏa thuận liên danh được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có). Trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể, ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm của thành viên đại diện liên danh sử dụng chứng thư số của mình để tham dự thầu, thực hiện bảo đảm dự thầu;

Trường hợp có sự sai khác giữa thông tin về bảo đảm dự thầu, thỏa thuận liên danh mà nhà thầu kê khai trên Hệ thống và thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh, thỏa thuận liên danh thì căn cứ vào thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh dự thầu, thỏa thuận liên danh để đánh giá.

4. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 E-CDNT.

Nhà thầu có E-HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong các bước tiếp theo.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Đối với nhà thầu liên danh thì năng lực, kinh nghiệm được xác định bằng tổng năng lực, kinh nghiệm của các thành viên liên danh song phải bảo đảm từng thành viên liên danh đáp ứng năng lực, kinh nghiệm đối với phần việc mà thành viên đó đảm nhận trong liên danh; nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh không đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm thì nhà thầu liên danh được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu.

Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSDT của nhà thầu chính. Bản thân nhà thầu chính phải đáp ứng các tiêu chí về năng lực và kinh nghiệm (không xét đến năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ).

Việc đánh giá về năng lực và kinh nghiệm được thực hiện theo các tiêu chuẩn đánh giá quy định dưới đây, nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá.

2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm thực hiện theo **Mẫu số 03** Chương IV. Biểu mẫu này được số hóa dưới dạng webform trên Hệ thống.

2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực kỹ thuật

a) Nhân sự chủ chốt

Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt thực hiện theo Mẫu số 04A Chương IV. Biểu mẫu này được số hóa dưới dạng Webform trên Hệ thống.

b) Thiết bị thi công chủ yếu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu

Tiêu chuẩn đánh giá về thiết bị thi công thực hiện theo Mẫu số 04B Chương IV. Biểu mẫu này được số hóa dưới dạng Webform trên Hệ thống.

Ghi chú: Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) thì nhà thầu phải kê khai cụ thể phần công việc dành cho các công ty con theo Mẫu số 16 Chương IV. Việc đánh giá kinh nghiệm, năng lực của nhà thầu căn cứ vào giá trị, khối lượng do công ty mẹ, công ty con đảm nhiệm trong gói thầu.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật khi có tất cả nội dung yêu cầu cơ bản đều được đánh giá là “đạt”, các nội dung yêu cầu không cơ bản được đánh giá là “đạt” hoặc “chấp nhận được”

Stt	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng
1	Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công	
1.1	- Giải pháp thi công đối với phần móng trụ, móng neo.	Có giải pháp thuyết minh rõ ràng Đạt
		Không có giải pháp Không đạt
1.2	- Giải pháp thi công lắp dựng trụ, lắp đặt neo.	Có thuyết minh đầy đủ các biện pháp thi công Đạt
		Không có thuyết minh đầy đủ các biện pháp thi công Không đạt
1.3	- Giải pháp thi công lắp đặt phụ kiện, rải căng dây.	Có giải pháp thuyết minh Đạt
		Không có thuyết minh giải pháp Không đạt
1.4	- Giải pháp lắp đặt thiết bị, giải pháp lắp đặt phần trạm biến áp.	Có giải pháp thuyết minh Đạt
		Không có giải pháp Không đạt
1.5	- Giải pháp đấu nối	Có giải pháp thuyết minh Đạt
		Không có giải pháp Không đạt
1.6	- Nêu giải pháp, thuyết minh thời gian cắt điện để thực hiện toàn bộ gói thầu. Tất cả các thời gian cắt điện mỗi lần được thực hiện cắt điện không quá 09 giờ/lần . Thời gian cắt điện từ 08 giờ đến 17 giờ trong ngày	Có nêu giải pháp, thuyết minh số lần cắt điện thực hiện gói thầu không quá 12 lần cắt điện cho toàn bộ công trình Đạt
		Không có giải pháp hoặc có giải pháp nhưng số lần cắt điện > 12 lần cắt điện cho toàn bộ công trình Không đạt
1.7	- Bản vẽ mặt bằng bố trí thi công, tổ chức thi công.	Có bản vẽ đầy đủ, khả thi, phù hợp với đề xuất về tiến độ Đạt
		Không có bản vẽ đầy đủ, hoặc biện pháp tổ chức thi công Không đạt

		không khả thi, không phù hợp với đề xuất về tiến độ	
1.8	- Có sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trường và thuyết minh sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm của từng người	Có sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm của từng người, đặc biệt là các vị trí Chỉ huy trưởng công trường và cán bộ kỹ thuật	Đạt
		Không có sơ đồ, hoặc sơ đồ không thể hiện rõ trách nhiệm của từng cán bộ chủ chốt	Không đạt
	Kết luận	Cả 8 tiêu chuẩn trên được xác định là đạt	Đạt
		Có 1 tiêu chuẩn chi tiết trở lên được xác định là không đạt.	Không đạt
2	Bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động.		
2.1	- Giải pháp chống ô nhiễm môi trường trong quá trình thi công, vận chuyển vật tư và vật liệu, chống ngập úng các khu lân cận, chống ồn	Có giải pháp khả thi	Đạt
		Không có giải pháp khả thi	Không đạt
2.2	- An toàn lao động	Có biện pháp bảo đảm an toàn lao động rõ ràng; Nêu rõ trách nhiệm của nhà thầu thi công xây dựng công trình, trách nhiệm của bộ phận quản lý an toàn lao động của nhà thầu thi công xây dựng công trình, trách nhiệm của người lao động trên công trường xây dựng theo quy định Thông tư số 04/2017/TT-BXD ngày 30/3/2017 quy định về quản lý an toàn lao động trong thi công xây dựng	Đạt
		Không có biện pháp bảo đảm an toàn lao động; Không nêu rõ trách nhiệm của nhà thầu thi công xây dựng công trình, trách nhiệm của bộ phận quản lý an toàn lao động của nhà thầu thi công xây dựng công trình, trách nhiệm của người lao động trên công trường xây dựng theo quy định Thông tư số 04/2017/TT-BXD ngày	Không đạt

		30/3/2017 quy định về quản lý an toàn lao động trong thi công xây dựng	
2.3	- Giải pháp phòng cháy nổ, chữa cháy	Có giải pháp khả thi	Đạt
		Không có giải pháp khả thi	Không đạt
	Kết luận	Cả 3 tiêu chuẩn trên được xác định là đạt	Đạt
		Có 1 tiêu chuẩn chi tiết trở lên được xác định là không đạt.	Không đạt
3	Biện pháp bảo đảm chất lượng		
3.1	Có thuyết minh hợp lý về biện pháp bảo đảm chất lượng, gồm những nội dung như sơ đồ bố trí tổ chức giám sát, kiểm tra các khâu thi công, thực hiện các thí nghiệm phục vụ thi công, ghi nhật ký thi công, ...		Đạt
	Không có thuyết minh hoặc thuyết minh không đầy đủ, không đạt yêu cầu đối với các nội dung nêu trên		Không đạt
3.2	Có biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.		Đạt
	Không có biện pháp bảo đảm chất lượng hoặc có biện pháp bảo đảm chất lượng nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công.		Không đạt
	Kết luận	Cả 2 tiêu chuẩn trên được xác định là đạt	Đạt
		Có 1 tiêu chuẩn chi tiết trở lên được xác định là không đạt.	Không đạt
4	Tiến độ thi công		
4.1	Ngắn hơn hoặc bằng số ngày quy định : 90 ngày		Đạt
	Dài hơn số ngày quy định: 90 ngày		Không đạt
4.2	Có Biểu tiến độ thi công hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.		Đạt
	Không có Biểu tiến độ thi công hoặc có Biểu tiến độ thi công nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất kỹ thuật.		Không đạt
	Kết luận	Cả 2 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt
		Có 1 tiêu chuẩn chi tiết trở lên được xác định là không đạt.	Không đạt
5	Mức độ đáp ứng về vật tư, thiết bị		
5.1	Nêu rõ chủng loại, nhà sản xuất, nước sản xuất của vật tư, phụ kiện; Có hợp đồng nguyên tắc của nhà cung cấp/nhà sản xuất, hoặc có cam kết về chủng loại của nhà cung cấp/nhà sản xuất.		Đạt
	Không nêu rõ chủng loại, nhà sản xuất, nước sản xuất của vật tư, phụ kiện; Không có hợp đồng nguyên tắc của nhà cung cấp/nhà sản xuất, hoặc không có cam kết về chủng loại của nhà cung cấp/nhà sản xuất.		Không đạt

	cấp/nhà sản xuất.		
5.2	Có thuyết minh đầy đủ về đặc tính, thông số kỹ thuật của tất cả vật tư B cấp; Có biên bản thử nghiệm điển hình để chứng minh các thông số có đánh dấu (*) nêu tại mục 3.2 Chương V đối với các hạng mục vật tư: Giáp nứ, móc treo chữ U, kẹp dừng dây, ống nối dây AC, kẹp quai, kẹp hotline, dây buộc đầu sứ, dây buộc cổ sứ, nắp chụp LA, nắp chụp FCO, nắp chụp MBA, nắp chụp kẹp quai, kẹp WR, ty neo, neo xòe, cọc tiếp địa, rack, bu lon, tủ trạm biến áp, bulon, Ghíp nối IPC 2 bulon...		Đạt
	Không có thuyết minh về đặc tính, thông số kỹ thuật của tất cả vật tư B cấp; Không có biên bản thử nghiệm điển hình để chứng minh các thông số có đánh dấu (*)nêu tại mục 3.2 Chương V đối với các hạng mục vật tư: Giáp nứ, móc treo chữ U, kẹp dừng dây, ống nối dây AC, kẹp quai, kẹp hotline, dây buộc đầu sứ, dây buộc cổ sứ, nắp chụp LA, nắp chụp FCO, nắp chụp MBA, nắp chụp kẹp quai, kẹp WR, ty neo, neo xòe, cọc tiếp địa, rack, bu lon, tủ trạm biến áp, bulon, Ghíp nối IPC 2 bulon...		Không đạt
	Kết luận	Cả 2 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt
		Có 1 tiêu chuẩn chi tiết trở lên được xác định là không đạt.	Không đạt
6	Bảo hành		
	Thời gian bảo hành 12 tháng.	Có đề xuất thời gian bảo hành lớn hơn hoặc bằng 12 tháng.	Đạt
		Không có đề xuất thời gian bảo hành hoặc Có đề xuất thời gian bảo hành nhỏ hơn 12 tháng.	Không đạt
	Kết luận	Tiêu chuẩn trên được xác định là đạt	Đạt
		Tiêu chuẩn trên được xác định là không đạt	Không đạt
7	Uy tín của nhà thầu		
	Uy tín của nhà thầu thông qua việc thực hiện các hợp đồng tương tự trước đó (Theo kết quả đánh giá chất lượng nhà thầu định kỳ/hàng năm do Tập đoàn Điện	Nhà thầu (nhà thầu độc lập hoặc thành viên liên danh nhà thầu) không có hợp đồng bị đánh giá không đạt hoặc không có từ hai (02) hợp đồng trở lên bị đánh giá là cảnh báo	Đạt
		Nhà thầu (nhà thầu độc lập hoặc thành viên liên danh nhà thầu) có hợp đồng bị đánh giá không đạt hoặc có từ hai (02) hợp đồng trở lên bị đánh giá là cảnh báo	Không đạt

	lực Việt Nam phê duyệt gần nhất với thời điểm bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu)		
8		Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng	
	Nhà thầu Thi công xây dựng công trình phải có chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng và có thứ hạng được thi công xây dựng từ cấp IV trở lên.	Có chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng (hoặc Quyết định cấp chứng chỉ) còn hiệu lực và có thứ hạng được thi công xây dựng từ cấp IV trở lên.	Đạt
		Không có chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng (hoặc Quyết định cấp chứng chỉ) còn hiệu lực và có thứ hạng được thi công xây dựng từ cấp IV trở lên.	Không đạt
	Kết luận	Tiêu chuẩn trên được xác định là đạt hoặc chấp nhận được	Đạt
		Tiêu chuẩn trên được xác định là không đạt	Không đạt

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về giá

Áp dụng phương pháp giá thấp nhất đối với TCDG về giá.

4.1. Phương pháp giá thấp nhất¹:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu, giá dự thầu sau giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 26 E-CDNT;

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: E-HSĐT có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) cộng ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.